

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 16

LUẬN VỀ TRÍ (Phần 8)

Như Phật Thế Tôn quở trách các đệ tử, nói là người si mê... cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là Đức Thế Tôn vĩnh viễn đoạn trừ yêu - ghét, thuận - nghịch đều bình đẳng, nhổ sạch rễ tranh luận, diệt hết gốc kiêu mạn, nhìn các loại trần bảo giống như gạch đá, gác tuệ soi chiếu không sót đối với tất cả các pháp, không có các loại tương tự như yêu ghét kiêu mạn..., vì các tập khí phiền não đã vĩnh viễn đoạn trừ; không giống như Độc giác và các Thanh văn, tuy đoạn phiền não mà có tập khí còn sót lại. Tập khí tham ái thì như Tôn giả A-nan thương yêu những người thuộc dòng họ Thích; tập khí sân hận thì như Tôn giả Tất-lăng-già-phiệt-sa, nói với thần sông Căng - già rằng: Nay tôi tớ bé nhỏ hãy ngăn dòng chảy lại, nay ta sắp qua sông; tập khí kiêu mạn thì như Tôn giả Xá-lợi-tử vất bỏ thuốc than chứa bệnh; tập khí ngu si thì như Tôn giả Kiệp - phòng - bát - để, hơi thở phát ra biết thức ăn trước đó ăn không tiêu chứ không biết cái khổ về sau, mà còn ăn thêm..., những sự việc như vậy thì loại ấy rất nhiều. Đức Thế Tôn tuy không có tập khí còn lại của phiền não, mà có lúc có những lời nói tựa như thương yêu... Lời nói tựa như yêu thương thì như Đức Thế Tôn bảo: Cố gắng nhé Tỳ kheo, tự mình xuất gia khéo léo thì cũng có đủ cấm giới; lời nói tựa như tức giận thì như Đức Thế Tôn bảo: Ông là kẻ tội tớ của dòng họ Thích, dòng họ Thích là chủ nhân của ông; lời nói tựa như kiêu mạn thì như Đức Thế Tôn nói: tu là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thành tựu mười Lực - đạt được bốn Vô hoa; lời nói tựa như si mê thì như Đức Thế Tôn nói: Hôm nay đại vương từ nơi nào đến đây, bảo với A-nan rằng xem trời mưa hay không, trong vườn

tại sao lớn tiếng cao giọng... Hoặc có người sinh nghi ngờ là Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tập khí của các phiền não, vì sao lại có những lời nói tương tự phiền não như vậy...? Vì muốn làm cho người nghi ngờ mà có được cách hiểu chính xác, cho nên soạn ra luận này. Giải thích về nhân duyên ấy như vậy, thì nói là người si mê kia cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao Đức Phật nói những lời tựa như yêu thương...?

Đáp: Bởi vì bảo vệ thừa ruộng đã được chuyển hóa làm lợi ích nhiều cho nó. Nghĩa là Đức Thế Tôn nói lời tựa như yêu thương, là muốn làm cho những Tỷ kheo đã bị Thiên Thụ phá hoại cảm được thân tâm an ổn và trừ bỏ nghi ngờ. Đó là Đề-bà-đạt-đa vì tham danh lợi mà phá hoại Tăng rồi, Tôn giả Xá-lợi-tử và Đại Mục - kiền - liên cảm hóa khiến quay trở về, những Tỷ kheo ấy sinh lòng hổ thẹn vô cùng, thân tâm rung rẩy sợ hãi lại sinh ra nghi hoặc, mình đi theo Thiên Thụ không mất giới chẳng? Khi nghe Đức Thế Tôn bảo: Cố gắng lên Tỷ kheo, tự mình xuất gia khéo léo thì cũng có đủ cấm giới; thì sợ hãi rung rẩy và nghi hoặc, cả hai điều cũng được trừ bỏ. Nếu lúc ấy Đức Phật không nói như vậy, thì lòng dạ họ xấu hổ thổ huyết mà mạng chung. Còn Đức Thế Tôn nói lời tựa như tức giận, là bởi vì phá bỏ tâm lý kiêu mạn của Phạm chí kia, nghĩa là Phạm chí Am-bà-sắc-tra-kia, không nhún nhường tùy theo mẹ mà ôm lòng kiêu ngạo, ngăn cản người xuất gia chịu rơi vào nẻo ác, nhờ Đức Phật quả trách phá tan tâm lý kiêu ngạo ấy, sau đó thân thứ hai được sinh lên cõi trời thấy rõ bốn Thánh đế; Lại nhờ quả trách mà Phạm Chí Bồ-sắc-yết-la-bà-lợi kia, được tiến vào Phật pháp, đạt đến quả thù thắng còn Đức Thế Tôn nói lời tựa như kiêu mạn là vì làm cho người không biết công đức của Phật, khi đã biết rồi quy y tu theo hạnh thù thắng. Còn Đức thế Tôn nói lời tựa như si mê, là vì bàn luận về đạo để mở thông cho vị vua kia, là vì loại bỏ tâm mê ngu của Anan, cũng là muốn là muốn phát sinh tâm lý vui thích yên lặng của mọi người trong vườn kia. Đức Phật nói những lời này tựa như phiền não, đều làm cho hữu tình có được lợi ích an lạc. Nay quả trách đệ tử mà nói là người si mê, cũng vì lợi ích cho chúng sinh như phần sau sẽ nói.

Hỏi: vì sao Độc giác và các Thanh văn tuy đoạn trừ phiền não mà có tập khí còn sót lại, Phật thì không như vậy chẳng?

Đáp: Tuệ của Thanh văn và Độc giác không mạnh mẽ sắc bén, tuy đoạn trừ phiền não mà có tập khí còn sót lại, như ngọn lửa bình thường ở thế gian tuy có đốt cháy mọi vật nhưng mà còn lại tro bụi; tuệ của Phật mạnh mẽ sắc bén, đoạn trừ các phiền não làm cho tập khí không sót lại gì, như ngọn lửa của kiếp tận hể vật gì đã bị đốt cháy thì

không còn sót lại tro bụi. Vì các loại nhân duyên đã nói trước đây, cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Như Phật Thế Tôn quở trách các đệ tử, nói là người si mê, điều này có nghĩa gì?

Đáp: Là lời trách mắng, nghĩa là Phật Thế Tôn trách mắng đệ tử mà nói là người si mê, như bây giờ thầy mình dạy dỗ và bậc thầy quy phạm mẫu mực, nếu có đệ tử y chỉ gần bên cạnh, gây ra những lỗi lầm liền trách mắng rằng: Con là người ngu si không sáng suốt - không tốt đẹp; Đức Thế Tôn cũng như vậy, quở trách các đệ tử nói là người si mê.

Trong này, văn luận tổng quát có hai phần:

1. Giải thích về nghĩa Đức Phật quở trách đệ tử.
2. Giải thích về nhân duyên Đức Phật quở trách họ.

Văn đã nêu ra trước đây chín là phần thứ nhất. Như bây giờ thầy mình dạy dỗ và bậc thầy quy phạm mẫu mực, vì ngăn chặn lỗi lầm của đệ tử đã gây ra; hoặc như cha mẹ ngăn chặn lỗi lầm phòng ngừa cho con cái, mà có những lời trách mắng đều là vì lợi ích thêm cho đệ tử - con cái, chứ không có ác tâm. Đức Phật cũng như vậy, nghĩa là Đức Phật giáo hóa tóm lược có bốn loại:

1. Nên khen ngợi.
2. Nên trách mắng.
3. Nên gạt bỏ.
4. Nên dựa vào người khác.

Nên khen ngợi, là như Đức Phật khen ngợi Câu-chi-nhĩ... Nên trách mắng, là như Đức Phật trách mắng Ô-đà-di... Nên gạt bỏ, là như gạt bỏ Vô y Ca-diếp-ba..., như Đức Phật với Bà-la-môn kia rằng: Nay không phải là lúc ấy, không có thể trả lời ông được. Nên dựa vào người khác, là như Đức Phật chuyển Chánh pháp luân cho năm Tỳ kheo, lúc ấy có tám vạn chư Thiên đều đạt được Thánh đạo; Đức Phật thuyết pháp cho vua Tần-tỳ-sa-la, lúc ấy cũng có tám vạn chư Thiên và chín vạn hai ngàn người ở nước Ma-yết-đà đều đạt được Thánh đạo; Đức Phật thuyết pháp cho Đế Thích, lúc ấy cũng có tám vạn chư Thiên được tiến vào Thánh đạo; Đức Phật thuyết pháp cho La-hầu-la, lúc ấy cũng có sáu vạn chư Thiên trong nên lúc đạt được đạo. Những sự việc như vậy thì tương tự rất nhiều, cho nên Đức Thế Tôn phải dùng sự trách mắng, mà người nhập đạo thì cần phải có sự trách mắng mới được.

Có người nói: Đức Thế Tôn vì lòng Đại Bi đã thôi thúc, thường tìm kiếm phương tiện làm lợi ích cho người khác, nếu không trách mắng

Đề-bà-đạt-đa rằng ông là người ngu si ăn nước miếng - nước mũi thì sẽ làm cho vô lượng chúng sinh ngu si gây ra các việc ác, lại còn liên tiếp nhiều lần xúc não Đức Thế Tôn; nếu không chỉ trích là không bằng người nữ, thân ông dơ bẩn xấu xa chứa đầy mọi thứ bất tịnh, thì tâm dục của họ không biết do đâu mà dừng lại, cho nên quả trách đệ tử nói là người si mê.

Có người nói: Sở dĩ Đức Thế Tôn trách mắng các đệ tử, là muốn làm cho người chưa gieo trồng thiện căn có thể gieo trồng thiện căn; người đã gieo trồng thiện căn mà chưa thành thực thì có thể nhanh chóng thành thực; nếu người đã thành thực nhưng chưa giải thoát thì mau chóng đạt được giải thoát; nếu không trách mắng thì mất đi lợi ích tốt đẹp này, vì vậy Đức Phật quả trách đệ tử nói là người si mê.

Hỏi: Nói là người si mê thì có nghĩa gì vậy? Là từ si mê sinh ra cho nên nói là người si mê, hay là hiện hành si mê cho nên nói là người si mê? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu từ si mê sinh ra cho nên nói là người si mê, thì cũng từ tham - sân - mạn - kiến... sinh ra, tại sao Đức Thế Tôn chỉ nói là người si mê? Nếu hiện hành si mê cho nên nói là người si mê, thì trong kinh không nên nói A-la-hán cũng gọi là người si mê, như trong kinh nói: “Rời xa người si mê đừng đứng trước mắt mình”; vả lại, Đức Thế Tôn quả trách Ô-đà-di rằng: “Người si mê không có mắt vì sao lại cùng với Tỳ kheo Thượng tọa tranh cãi về nghĩa rất xấu xa.” Nhưng các phiến não khác cũng có hiện hành, tại sao chỉ nói là người si mê chứ không phải là loại khác?

Đáp: Có người nói như vậy: Từ si mê sinh ra cho nên gọi là người si mê.

Hỏi: Nếu như vậy cũng từ tham-sân-mạn-kiến... sinh ra, vì sao Đức Thế Tôn chỉ nói là người si mê?

Đáp: Bởi vì biến hành si mê. Nếu Đức Phật biết quả trách các A-la-hán cho là người si mê, đối với người khác có lợi ích, thì cũng quả trách thân A-la-hán kia cũng là si mê sinh ra. Như trong kinh nói: “Bị vô minh che lấp, bị kiết ái ràng buộc, người ngu cảm được thân có nhận biết, người trí cũng như vậy.” Các A-la-hán nói là người trí. Có Sư khác nói: Hiện hành si mê cho nên gọi là người si mê.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh không nên nói A-la-hán cũng gọi là người si mê?

Đáp: Tạm thời trong kinh nói rời xa người si mê đừng đứng trước mắt mình, là người tụng đã tụng sai, cần phải nói như vậy: Tỳ kheo tránh ra đừng đứng trước mắt ta. Lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn,

Tôn giả Bạch Tịnh đến đứng ở trước Đức Phật dùng quạt để quạt hầu Đức Phật, lúc ấy có vô lượng chư Thiên cõi Trường Thọ đi đến nơi Đức Phật, trách Tôn giả ấy đang đứng ở trước Đức Phật ngăn che chúng tôi không thấy được Đức Thế Tôn mà làm cho chúng tôi mất đi lợi ích sau cuối, Đức Phật biết ý niệm của họ liền nên nói như vậy: Tỳ kheo tránh ra đừng đứng trước mắt ta! Và lại, Đức Thế Tôn quả trách Ô-đà-di rằng: Người si mê không có mắt vì sao lại cùng với Tỳ kheo Thượng tọa tranh cãi về nghĩa rất xa xa? Điều này cũng không trái ngược nhau, bởi vì lúc ấy Ô-đà-di chưa đạt được quả vị A-la-hán, hoặc nói là dị sinh, hoặc nói là Hữu học. Có Sư khác nói: Các A-la-hán cũng là hiện hành si mê, vì sao chỉ nói là người si mê chứ không phải là loại khác? Đáp: Trước đã nói là biến thành si mê, hễ dấy khởi vô minh hiện tiền ở nơi nào, thì tên gọi là người si mê dựa vào nơi ấy mà thiết lập. Bởi vì nghĩa này cho nên Đức Phật quả trách đệ tử mà nói là người si mê.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn quả trách các đệ tử mà nói là người si mê?

Đáp: Bởi vì họ đối với lời nhắc nhở - lời giảng dạy của Đức Thế Tôn, không tùy theo nghĩa thực hành, không tùy thuận lời dạy, không nối tiếp lẫn nhau. Văn luận từ đây trở xuống chính là phần thứ hai, giải thích về nhân duyên Đức Phật quả trách người si mê ấy. Lời nhắc nhở - lời giảng dạy biểu hiện tổng quát về lời dạy của Đức Phật, có năng lực thực hành đúng đắn thì gọi là tùy theo nghĩa thực hành, những đệ tử kia không có năng lực thực hành đúng đắn cho nên gọi là không tùy theo nghĩa thực hành. Có người nói: Như việc cần thực hành thì gọi là tùy theo nghĩa thực hành, các đệ tử kia không như việc cần thực hành cho nên gọi là không tùy theo nghĩa thực hành. Không tùy thuận lời dạy, là đối với Thánh giáo của Phật không có năng lực tùy thuận tu các công đức. Không nối tiếp lẫn nhau, là không có năng lực tập trung trải qua thời gian dài nối tiếp nhau tu các công đức.

Hỏi: Lời nhắc nhở và lời giảng dạy có gì sai biệt?

Đáp: Ngăn chặn những điều không có lợi ích cho nên gọi là lời nhắc nhở (giáo giới), mang lại những điều có lợi ích cho nên gọi là lời giảng dạy (giáo thọ). Lại nữa, dạy cho trú trong chánh niệm thì gọi là lời nhắc nhở, dạy cho trú trong chánh tri thì gọi là lời giảng dạy. Lại nữa, khiến cho tu Hữu biểu nghiệp thì gọi là lời nhắc nhở, khiến cho tu Vô biểu nghiệp thì gọi là lời giảng dạy. Lại nữa, khiến cho tu xa-ma-tha thì gọi là lời nhắc nhở, khiến cho tu Tỳ-bát-xá-năng thì gọi là lời giảng dạy. Lại nữa, khiến cho tu Thánh đạo thì gọi là lời nhắc nhở, khiến cho

đạt được Thánh quả thì gọi là lời giảng dạy. Lại nữa, khiến cho tu pháp thiện thế gian thì gọi là lời nhắc nhở, khiến cho tu pháp thiện xuất thế gian thì gọi là lời giảng dạy. Đây gọi là sự sai biệt giữa lời nhắc nhở và lời giảng dạy.

Lại nữa, họ đối với Thánh giáo gây ra những điều ngu si, trống rỗng không có kết quả, không có sinh ra, không có ý vị, không có lợi ích tốt đẹp, làm trái lời dạy của Phật, đối với các học xứ không có năng lực tiếp nhận học hỏi, cho nên Đức Phật quở trách họ mà nói là người si mê. Trong này, Thánh giáo là ý biểu hiện cho Thánh đạo.

Hỏi: Vì sao họ đối với Thánh đạo mà làm những điều ngu si?

Đáp: Bởi vì họ không có năng lực mà làm cho Thánh đạo trở lại những điều ngu si, chỉ vì họ nối tiếp nhau tăng thêm ngu si làm chướng ngại cho Thánh đạo. Có người nói: Cũng làm cho Thánh đạo trở thành những điều ngu si, nghĩa là làm cho trở thành xa cách, không được tự tại và không hiện hành. Có người nói: Vì đoạn trừ ngu si cho nên Đức Phật nói rõ Thánh giáo, họ nghe Thánh giáo nhưng không đoạn trừ ngu si mà ngày càng tăng lên, cho nên nói họ đối với Thánh giáo của Phật gây ra những điều ngu si. Trống rỗng là biểu hiện họ không có mầm thai Thánh đạo; như trong thân người nữ không có khả năng mang thai, trống rỗng không có con cho nên gọi là gái bất dục (thạch nữ); họ cũng như vậy, tuy nghe lời dạy của Phật nhưng không có năng lực thâm nhiếp tiếp nhận mầm thai Thánh đạo, Phật đối với thân họ không có quả Sĩ dụng, bỏ trống công dụng cho nên gọi là trống rỗng. Không có kết quả là không có Đăng lưu và giải thoát. Không có sinh ra là không có quả Sĩ dụng. Lại nữa, sinh ra thì có nghĩa là đạt được, họ đối với Phật pháp không đạt được điều gì, cho nên gọi là không có sinh ra. Không có ý vị là họ đối với Phật pháp không có ý vị xuất gia, không có ý vị tịch tĩnh, không có ý vị Thánh đạo, không có ý vị tịch diệt, cho nên gọi là không có ý vị. Không có lợi ích tốt đẹp, quả gọi là lợi ích tốt đẹp, họ không đạt được quả cho nên không có lợi ích tốt đẹp. Lại nữa, có hai điều mất cho nên gọi là không có lợi ích tốt đẹp, ví như thầy thuốc giỏi thương xót những người có bệnh tật mà đi tìm thuốc khắp bốn phương, tìm được thuốc rồi mang về cho họ, nhưng người bệnh coi khinh nén vào chỗ đờ bần, họ đã có hai điều mất:

1. Bệnh của mình không được trừ khỏi.
2. Công sức của thầy thuốc giỏi bị vứt bỏ.

Đức Thế Tôn cũng như vậy, trải qua ba vô số kiếp tu tập trăm ngàn công hạnh gian khổ khó thực hành, vì các hữu tình mà cầu tìm vị

thuốc Thánh pháp, đạt được rồi nói cho họ biết, nhưng họ nghe mà coi khinh không tự mình uống để thực hành, lại dụng tâm mong cầu danh lợi, họ đã có hai điều mất:

1. Không trừ được căn bệnh phiền não của mình.

2. Làm cho công lao của Đức Phật bị hoang phí. Làm trái lời dạy của Phật, là làm trái với nghĩa lý Thánh giáo của Đức Thế Tôn. Đối với các học xứ không có năng lực tiếp nhận học hỏi, là không có năng lực tu tập thực hành các pháp tùy theo pháp thực hành.

Lại nữa, họ đối với Thánh giáo gây ra những điều ngu si, bởi vì họ đoạn dứt Thánh giáo không làm cho nối tiếp theo nhau, nghĩa là Đức Phật vì họ mà nói về pháp Vô thượng, nếu nghe rồi thực hành đúng đắn chuyển tiếp nói cho người khác nghe, người khác tiếp tục thực hành đúng đắn lại nói cho người khác nghe, như vậy lần lượt chuyển tiếp làm lợi ích vô cùng tận, đó gọi là không đoạn dứt Thánh giáo của Như Lai. Họ nghe Thánh giáo mà không có năng lực thực hành đúng đắn, lại cũng không có năng lực chuyển tiếp nói cho người khác nghe, tự mình đã không có lợi ích gì cũng không lợi ích cho người khác, đó gọi là đoạn dứt Thánh giáo không làm cho nối tiếp nhau. Vì vậy nói là gây ra những điều ngu si. Trống rỗng là bởi vì chính mình không phải là pháp khí. Không có kết quả là bởi vì làm cho tâm mong mỏi quả Phật không có kết quả gì. Nghĩa là Đức Phật muốn làm cho chúng sinh nghe pháp thoát khỏi nỗi khổ của sinh tử, họ nghe pháp rồi không có thể tu tập thực hành phương tiện lia khổ, vì vậy khiến cho tâm mong mỏi Phật đạo không có kết quả. Không có sinh ra, họ không có thể đạt được sự việc tốt đẹp đã mong cầu lúc ban đầu xuất gia, nghĩa là trì giới thanh tịnh. Không có ý vị là không có ý vị của tinh lự. Không có lợi ích tốt đẹp là không có trí tuệ không trái ngược. Làm trái lời dạy của Phật, nghĩa là không đạt được Niết-bàn. Đức Phật nói về Chánh pháp đạt được niềm vui Niết-bàn dạy cho chúng sinh, họ không có năng lực chứng được cho nên gọi là làm trái. Đối với các học xứ không có năng lực tiếp nhận học hỏi, Đức Phật đã thi thiết các loại học xứ nhưng họ không có năng lực tiếp nhận học hỏi, có người tuy tiếp nhận học hỏi à không có năng lực luôn luôn tu tập, như Bà-đà-lê qua bốn tháng mùa mưa mới có thể tiếp nhận học hỏi; pháp ngồi ăn nên lần tuy có người luôn luôn tu tập mà không trọn vẹn; đều gọi là không có năng lực tiếp nhận học hỏi các học xứ. Vì nhân duyên này mà Đức Phật quả trách đệ tử gọi họ là người si mê.

Có sáu nhân đó là nhân tương ứng cho đến nhân năng tác.

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn luận thiết về không có nhân - nhân xấu ác. Nghĩa là các ngoại đạo, hoặc chấp là các pháp không có nhân mà sinh, hoặc lại chấp rằng có nhân không bình đẳng, vì ngăn chặn ý kia để biểu hiện các pháp sinh ra quyết định có nhân chẳng phải là không bình đẳng. Có người đưa ra cách nói này: Có pháp chấp là nhân duyên chẳng phải là vật thật có, như pháp Thí Dụ. Vì ngăn chặn ý kia mà biểu hiện rõ ràng về nhân duyên, hoặc là tánh - hoặc là tướng đều là thật có. Lại có người nói: Muốn dùng sáu nhân biểu hiện rõ ràng về bốn quả, khiến cho điều ấy rõ ràng như nhìn trái A-ma-lạc-ca trong bàn tay. Nghĩa là dùng hai nhân tương ưng và câu hữu (cùng có) để biểu hiện quả Sĩ dụng, dùng hai nhân đồng loại và biến hành để biểu hiện quả Đẳng lưu, dùng nhân dị thực để biểu hiện quả Dị thực, dùng nhân năng tác để biểu hiện quả Tăng Thượng. Vì nhân duyên này cho nên soạn ra luận này. Nhưng mà sáu nhân này không phải là trong kinh nói, trong kinh chỉ nói có bốn duyên, tánh gọi là nhân duyên tánh nói rộng ra cho đến tăng thượng duyên tánh, nay muốn dùng nhân phân biệt về duyên cho nên nói đến sáu nhân này.

Hỏi: Là nhân thân nhiếp duyên hay là duyên thân nhiếp nhân?

Đáp: thân nhiếp lẫn nhau tùy theo sự việc của nó, nghĩa là năm nhân trước là nhân duyên, nhân năng tác là ba duyên còn lại. Có người đưa ra cách nói này: Duyên thân nhiếp nhân chứ không phải là nhân thân nhiếp duyên. Nghĩa là năm nhân trước là nhân duyên, nhân năng tác là tăng thượng duyên, đẳng vô gián duyên và sở duyên duyên không phải là do nhân thân nhiếp. Lại có người nói: sáu nhân cũng là do trong kinh nói. Nghĩa là trong phần thứ sáu của kinh Tăng Nhất A Kiệp Ma nói: “Trải qua thời gian lâu xa, văn kinh dần dần không nhìn thấy nữa, các Tôn giả như giả như Ca-đa-diễn-ni-tử... dùng lực của nguyện trí quán sát sáu nhân duyên nói trong kinh, tập trung ghi chép mà soạn ra A-tỳ-đạt-ma.” Vì vậy ở đây phân biệt về sáu nhân. Từng nghe rằng kinh Tăng Nhất A Kiệp Ma, từ nên pháp tăng lên cho đến trăm pháp, nay chỉ có nên cho đến mười đang còn, những pháp khác đều ẩn kín; ở lại trong tăng nên cho đến mười, cũng ẩn kín phần nhiều, pháp còn lại rất ít. Từng nghe Tôn giả Thương-nặc-ca-y Đại A-la-hán, là đệ tử đồng trú của Tôn giả A-nan-đà, Đại đức này luôn luôn biên soạn tự mình làm Giáo thọ sư; lúc vị A-la-hán ấy nhập Niết-bàn, thì ngay trong ngày đó có bảy vạn bảy ngàn kinh Bốn Sinh và nên vạn luận A Tỳ Đạt Ma ẩn kinh không còn thấy nữa. Nên vị Luận Sư diệt độ còn có những

kinh luận ẩn kín như vậy, hưởng hồ từ đó về sau cho đến bây giờ, hoặc là trăm - hoặc là ngàn các vị Luận Sư diệt độ, thì số kinh luận ẩn kín theo há có thể biết được ư? Vì vậy, sáu nhân này là trong kinh nói. Có Sư khác nói: Sáu nhân như vậy, tuy không nói đầy đủ theo thứ tự trong cùng nên kinh, nhưng nói phân tán khắp nơi trong các kinh. Nghĩa là tong kinh nói: “Đây gọi là kiến làm căn tương ứng với tính - chứng - trí.” Các kinh nói về nhân tương ứng như vậy. Lại trong kinh nói: “Nhân và sắc là duyên sinh ra nhãn thức, cả ba hòa hợp lại tiếp xúc cùng khởi lên thọ - tưởng - tư.” Các kinh nói về nhân câu hữu như vậy. Lại trong kinh nói: Như vậy Bồ-đặc-già-la thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện, pháp thiện ẩn đi thì pháp ác xuất hiện, có lúc theo nhau cùng hiện hành bởi thiện căn chưa đoạn mất, bởi vì chưa đoạn mất cho nên từ thiện căn này còn có thể khởi lên thiện căn khác, lúc ấy đối với vị lai sẽ có pháp thanh tịnh.” Các kinh nói về nhân đồng loại như vậy. Lại trong kinh nói: “Các tà kiến, ấy là tất cả thân nghiệp-ngữ nghiệp-ý nghiệp, có những nguyện cầu đều như những gì nhìn nhận, tất cả các hành đều là chủng loại ấy. Các pháp như vậy đều có thể dẫn đến quả không vừa ý và chẳng vui mừng ưa thích chút nào.” Các kinh nói về nhân biến hành như vậy. Lại trong kinh nói: “Không có nơi nào không dung nạp ác hành của thân - ngữ - ý mà nhận lấy quả dị thực đáng yêu, có nơi chôn có dung nạp ác hành của thân - ngữ - ý thì nhận lấy quả dị thực không đáng yêu.” Các kinh nói về nhân dị thực như vậy. Lại trong kinh nói: “Hai nhân - hai duyên có thể phát sinh chánh kiến, đó là âm thanh nơi khác và tác ý đúng như lý trong tâm.” Các kinh nói về nhân năng tác như vậy. Bởi vì sáu nhân này là Phật đã nói, cho nên Tôn giả dựa vào kinh mà soạn luận.

Thế nào là nhân tương ứng? Cho đến nói rộng ra...

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để biểu hiện chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp tâm và tâm sở pháp, thứ tự trước sau mà phát sinh chứ không phải cùng lúc phát khởi. Như phái Thí Dụ, họ đưa ra cách nói này: Tâm và tâm sở pháp dựa vào theo các nhân duyên trước sau mà phát sinh, ví như những người buôn vượt qua con đường hẹp và nguy hiểm, từng người nên mà đi qua chứ không thể có hai người cùng đi qua nên lần, tâm và tâm sở pháp cũng lại như vậy, các duyên hòa hợp từng duyên nên mà phát sinh, bởi vì các duyên đối đãi đều có sai khác. Các Luận Sư A-tỳ-đạt-ma nói: Bởi vì tâm và tâm sở pháp có nhân khác nhau, cho nên có thể nói các duyên hòa hợp có sai khác; bởi

vì có nhân khác nhau, cho nên có thể nói các duyên hòa hợp không có gì sai khác. Nghĩa là tâm và tâm sở đều khác nhau, có sinh - trú - diệt - diệt hòa hợp mà sinh ra, vì vậy có thể nói hòa hợp có sai khác. Cùng dựa vào nên căn, cùng duyên với nên cảnh mà được sinh ra, cho nên có thể nói tất cả hòa hợp không có gì sai khác. Vì vậy tất cả tâm và tâm sở pháp, tùy theo sự thích hợp của mình mà cùng lúc pháp khởi.

Hoặc lại có người chấp các pháp đều tương ứng với tự tánh chứ không phải là tương ứng với tự tánh khác. Họ đưa ra cách nói như vậy: Nghĩa của tướng hỷ - lạc là nghĩa tương ứng, không có cộng tướng hỷ - lạc của pháp cùng với pháp, giống như tự tánh cùng với tự tánh. Các luận sư A-tỳ-đạt-ma: Hai sự việc hòa hợp có thể nói là tương ứng, không phải là có nghĩa tương ứng đối với nên vật, cũng không có tự Thể hỷ - lạc với tự Thể, bởi vì năng duyên và sở duyên có sai biệt. Hoặc lại có người chấp tự tánh đối với tự tánh chẳng phải là tương ứng cũng chẳng phải là không tương ứng. Họ đưa ra cách nói như vậy: Cần phải hòa hợp với tánh khác mới gọi là tương ứng, tự tánh đối với tự tánh không có nghĩa của tánh khác cho nên không gọi là tương ứng; hỷ - lạc cùng nhau là nghĩa tương ứng, tự tánh đối với tự tánh hết sức hỷ - lạc cho nên không phải là không tương ứng. Các Luận Sư A-tỳ-đạt-ma nói: Không có tự tánh hỷ-lạc với tự tánh, nghĩa giải thích như trước.

Hoặc lại có người chấp: Nghĩa của lực nhậm trì là nghĩa tương ứng. Họ đưa ra cách nói như vậy: Nếu pháp do lực nhậm trì của pháp kia mà sinh ra, thì pháp này tương ứng với pháp kia, vì vậy tâm tương ứng với tâm, lực giữ gìn của tâm khiến cho tâm được sinh ra; tâm sở pháp tương ứng với tâm, lực giữ gìn của tâm khiến cho nó được sinh ra; tâm không tương ứng với tâm sở pháp, không phải là lực giữ gìn kia mà được sinh ra; tâm sở pháp không tương ứng với tâm sở pháp, không phải là giữ gìn lẫn nhau mà được sinh ra. Các Luận Sư A-tỳ-đạt-ma nói: Tâm cùng với tâm sở – tâm sở cùng với tâm, đều lần lượt chuyển tiếp lực giữ gìn mà được sinh ra, lại cùng tương ứng nên thân – hai tâm không cùng lúc phát khởi, cho nên không có nghĩa tương ứng. Cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Thế nào là nhân tương ứng?

Đáp: Thọ cùng với pháp tương ứng của thọ là nhân tương ứng, pháp tương ứng của Thọ cùng với Thọ là nhân tương ứng; Tưởng - Tư - Xúc-Tác-Ý-Dục-Thăng giải-Niệm-Tam-ma-địa, Tuệ cùng với pháp tương ứng của Tuệ là nhân tương ứng, pháp tương ứng của Tuệ cùng với Tuệ là nhân tương ứng, đó gọi là nhân tương ứng.

Hỏi: Trong này tại sao không nói về tâm?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra. Hoặc có người nói: Cũng như cần phải nói về tâm mà không nói đến, thì nên biết rằng trong này là có cách nói khác, bởi vì nói về nghĩa của sáu nhân thì cũng không tận cùng được; nếu nói hết lý thì không có cách nói nào khác. Cần phải nói như vậy: Thế nào là nhân tương ứng? Đó là tất cả tâm và tâm sở pháp. Thế nào là nhân câu hữu? Đó gọi là tất cả pháp hữu vi. Thế nào là nhân đồng loại? Đó gọi là tất cả pháp quá khứ và hiện tại, cùng với pháp tương ứng - câu hữu của nó. Thế nào là nhân dị thực? Đó gọi là tất cả pháp hữu lậu thiện và bất thiện. Thế nào là nhân năng tác? Đó gọi là tất cả các pháp. Có người đưa ra cách nói như vậy. Giả sử nó như vậy thì cũng không hết lý, bởi vì không biết cái gì làm nhân cho cái gì ở phần vị này? Nếu nói trong này là cách nói khác thì đối với lý là hơn hẳn, bởi vì những người soạn ra luận sơ lược nêu ra nên ích pháp làm căn bản. Có Sư khác nói: Tâm đã nói ở trong này đã nói, nghĩa là Thọ tương ứng với Tuệ thì pháp tương ứng cũng thấu nhiếp tâm.

Hỏi: Vì sao không nói đến tự tướng của tâm?

Đáp: Bình đẳng tương tự là nghĩa của tương ứng, tâm hơn hẳn như vị vua cho nên không nói đến. Như tụng nói:

“Thứ sáu tăng thượng như vị vua, nhiệm thì tự nhiên dẫn đến nhiệm,

Không nhiệm mà lại phát sinh nhiệm, nhiệm thì gọi là người ngu si.”

Lại có người nói: Dùng Tam-ma-địa. Có người nói: nay nói tâm nói đến Tam-ma-địa, tức là đã nói đến tâm, cho nên không nói riêng biệt.

Hỏi: vì sao chỉ nói về mười pháp của Đại địa là nhân tương ứng chứ không phải là pháp khác?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra. Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác. Có người nói: Nếu pháp là tất cả Giới - tất cả Địa - tất cả Thú, tất cả Sinh - tất cả Chủng - tất cả Tâm, có thể đạt được thì trong này nói đến điều ấy, pháp khác thì không như vậy cho nên ở đây không nói đến.

Hỏi: Pháp của Đại địa là nghĩa gì?

Đáp: Đại thì nghĩa là tâm như mười pháp này, nơi tâm này khởi lên rộng lớn như mặt đất cho nên gọi là Đại địa, Đại địa tức là pháp gọi là pháp Đại địa. Có người nói: Tâm gọi là Đại bởi vì Thể - dụng thù

thắng, ngay nơi Đại là địa cho nên gọi là Đại địa, là nơi nương dựa của các tâm sở, mười pháp như Thọ... đối với các Đại địa, khắp nơi có thể đạt được cho nên gọi là pháp Đại địa. Có người nói : Mười pháp như Thọ... Có khắp nơi các Phẩm tâm cho nên gọi là Đại, tâm là địa của nó cho nên gọi là Đại địa, các pháp Như Thọ... tức là Đại địa, tất cả gọi là pháp Đại địa.

Hỏi: Tại sao gọi là tâm sở?

Đáp: Bởi vì là tâm vốn có.

Hỏi: Vì sao tâm và tâm sở pháp lần lượt chuyển tiếp làm nhân tương ứng?

Đáp: Bởi vì lần lượt chuyển tiếp làm nhân, lần lượt chuyển tiếp sinh ra lực, lần lượt chuyển tiếp dẫn dắt nhau, lần lượt chuyển tiếp nuôi lớn nhau, lần lượt chuyển tiếp tăng thêm nhau, lần lượt chuyển tiếp dựa vào nhau, như hai bó rau dựa vào nhau mà đứng, nhiều sợi dây xoắn lại với nhau có thể kéo được cây gỗ lớn, nhiều người nắm tay nhau có thể vượt qua dòng sông rộng, bởi vì các pháp hữu vi là tánh yếu kém, cho nên có nghĩa lần lượt chuyển tiếp dựa vào nhau mới thành tựu sự nghiệp.

Hỏi: Ông nói Thọ nếu lia Tưởng thì có thể tiếp nhận cảnh hay không?

Đáp: Nói là không có thể được, hỏi về tâm và tâm sở khác cũng như vậy.

Hỏi: Nhân tương ứng lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Tất cả tâm và tâm sở pháp, tức là thân nhiếp ba uẩn và phần ích của nên uẩn, nên xứ và phần ích của nên xứ, bảy giới và phần ích của nên giới. Đã nói về tự tánh cho nên nay sẽ nói.

Hỏi: Tương ứng là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa bằng nhau là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Các tâm sở pháp hoặc là nhiều-hoặc là ít, nghĩa là tâm thiện nhiều hơn tâm bất thiện ít, tâm bất thiện nhiều thì tâm hữu phú vô ký ít, tâm hữu phú vô ký nhiều thì tâm vô phú vô ký ít, tâm cõi Dục nhiều thì tâm cõi Sắc ít, tâm cõi Sắc nhiều thì tâm cõi Vô sắc ít, tâm hữu lậu nhiều thì tâm vô lậu ít, sao nói nghĩa bằng nhau là nghĩa của tương ứng?

Đáp: Dựa vào nghĩa bằng nhau về Thể cho nên gọi là bằng nhau. Nếu trong nên tâm mà hai Thọ-nên tưởng thì có thể không gọi là bằng nhau, nhưng trong nên tâm có nên Thọ-nên tưởng, còn lại cũng như vậy, cho nên nói nghĩa bằng nhau là nghĩa của tương ứng. Lại nữa,

bằng nhau không sai khác là nghĩa của tương ứng . Lại nữa, nghĩa vận chuyển bằng nhau là nghĩa của tương ứng, như lúc xe chuyển động thì các phần đều chuyển động cùng làm thành nên sự việc. Như vậy lúc xe tâm chuyển động đối với cảnh, thì tâm sở cũng chuyển động cùng làm thành nên sự việc, cho nên gọi là tương ứng. Lại nữa, nghĩa những việc làm bằng nhau là nghĩa của tương ứng, như chim Bồ-chim Thu... cùng nên lúc bay đến sân bãi-cùng nên lúc ăn thóc-cùng nên lúc bay lên, không trước không sau; tâm và tâm sở pháp cũng lại như vậy, cùng nên lúc hưởng về cảnh-cùng nên lúc liên tiếp nhận cảnh-cùng nên lúc rời bỏ cảnh, cho nên gọi là tương ứng. Lại nữa, nghĩa cùng thuận theo như nhau là nghĩa của tương ứng, như người thuận với nhau thì gọi là tương ứng, tâm và tâm sở pháp thuận với nhau cũng như vậy. Lại nữa, nghĩa hòa hợp như nhau là nghĩa của tương ứng, như nước và sữa hòa vào nhau thì gọi là tương ứng, tâm và tâm sở pháp hòa hợp cũng như vậy. Vụ Tôn giả nói: “Bốn sự việc như nhau cho nên gọi là tương ứng:

1. Thời phần như nhau, nghĩa là tâm và tâm sở cùng chung nên sát-năng mà hiện hành.
2. Sở y như nhau, nghĩa là tâm và tâm sở cùng dựa vào nên căn mà hiện hành.
3. Sở duyên như nhau, nghĩa là tâm và tâm sở cùng duyên với nên cảnh mà hiện hành.
4. Hành tướng như nhau, nghĩa là tâm và tâm sở cùng chung nên hành tướng mà hiện hành.”

Lại nữa, năm sự việc như nhau cho nên nói là tương ứng, tức là bốn sự việc trước và Thể của vật như nhau, nghĩa là tâm và tâm sở đều chỉ có nên vật hòa hợp mà khởi lên, cho nên gọi là tương ứng. Lại nữa, như nghĩa bó chặt nhiều cây lau là nghĩa của tương ứng, như mỗi nên cây lau không thể nào đứng nên mình được, cần phải nhiều cây lau cùng bó lại mới có thể đứng được; tâm và tâm sở pháp cũng lại như vậy, cần phải nhiều tâm dựa vào nhau mới có thể làm thành đời kiếp, dẫn đến quả - mang lại quả và chọn lấy sở duyên. Lại nữa, như nghĩa nhiều sợi thừng xoắn lại là nghĩa của tương ứng, như mỗi nên sợi dây không có thể kéo được cây gỗ, nhiều sợi dây xoắn lại với nhau mới có tác dụng kéo được; tâm và tâm sở pháp cũng lại như vậy, nói rộng ra như trước. Lại nữa, như nghĩa nắm tay nhau là nghĩa của tương ứng, như dòng sông chảy xiết nên mình không thể vượt qua được, nhiều người nắm tay nhau mới có thể vượt qua được; tâm và tâm sở pháp cũng lại như vậy, nói rộng ra như trước. Lại nữa, như nghĩa nhiều người buôn là

nghĩa của tương ứng, như nhiều người buôn cùng làm bạn bè có thể vượt qua con đường nguy hiểm; tâm và tâm sở pháp cũng lại như vậy, nói rộng ra như trước. Tôn giả Thế Hữu nói như vậy: “nghĩa dẫn dắt nhau phát sinh là nghĩa của tương ứng.”

Hỏi: Nếu như vậy thì nhãn thức và ý thức cũng cùng dẫn dắt nhau, đó là tương ứng chăng?

Đáp: Bởi vì sở y của chúng khác nhau, nếu sở y giống nhau cùng dẫn dắt nhau thì mới là tương ứng. Lại nữa, nghĩa không lìa xa nhau là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Nếu như vậy thì bốn Đại chủng cũng không lìa xa nhau, đó là tương ứng chăng?

Đáp: Bốn Đại chủng không có sở y, nếu có sở y cũng không lìa xa nhau thì chính là tương ứng. Lại nữa, nghĩa có sở duyên là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Nếu như vậy thì sáu thức đều có sở duyên, đó là tương ứng chăng?

Đáp: Sở duyên của sáu thức khác nhau, nếu cùng sở y và có sở duyên thì mới là tương ứng. Lại nữa, nghĩa cùng chung sở duyên là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Nếu như vậy thì năm thức đều cùng chung nên sở duyên với ý thức, phải nó là tương ứng; vả lại, nhiều nhãn thức thì phải nói là tương ứng, như nhiều hữu tình cùng ngắm trăng đầu tháng...?

Đáp: Sở y của năm trước khác nhau, nếu cùng chung sở y và cùng chung sở duyên thì mới là tương ứng. Lại nữa, nghĩa luôn luôn hòa hợp là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Nếu như vậy thì thọ mạng-hơi ấm và thức, cả ba cũng luôn luôn hòa hợp, đó là tương ứng chăng?

Đáp: Không phải như vậy, bởi vì thọ mạng và hơi ấm là hai pháp không có sở y, nếu có sở y cũng luôn luôn hòa hợp thì mới là tương ứng. Lại nữa, nghĩa luôn luôn cùng sinh ra là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Nếu như vậy thì bốn Đại chủng luôn luôn cùng sinh ra, đó là tương ứng chăng?

Đáp: Bốn Đại chủng không có sở y, nếu có sở y và luôn luôn cùng sinh ra thì mới là tương ứng. Lại nữa, nghĩa cùng sinh trú diệt là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Nếu như vậy thì tùy tâm chuyển sắc - tùy tâm chuyển tâm, bất tương ứng hành cũng cùng sinh trú diệt, đó là tương ứng chăng?

Đáp: các pháp ấy không có sở y, nếu có sở y và cùng sinh trú diệt,

thì mới là tương ứng. Lại nữa, nghĩa cùng chung nên sở y-cùng chung nên sở duyên và cùng chung nên hành tướng mà chuyển là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Lẽ nào biết không phải như vậy? Lại nữa, nghĩa cùng làm nên việc là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Nếu như vậy thì các Nhãn và Trí cùng làm nên việc, đó là tương ứng chăng?

Đáp: Các pháp ấy không cùng sinh, nếu cùng lúc phát sinh và cùng làm nên việc thì mới là tương ứng. Đại đức nói rằng: Nghĩa cùng làm bạn bè là nghĩa của tương ứng, thức và tâm sở dung nạp lẫn nhau cùng lúc mà sinh, cùng chọn lấy nên cảnh mới là tương ứng. Tôn giả Diêu Âm nói như vậy: “ Nghĩa sở y-sở duyên-hành tướng-sở tác đều giống nhau là nghĩa của tương ứng. Nguyên cố thế nào? Bởi vì tánh của các pháp hữu vi yếu kém, lần lượt chuyển tiếp lực giữ gìn mới có thể có tác dụng, không hề thấy có nên pháp đại đại nào, nên mình đẩy khởi tác dụng, cho nên nhân tương ứng này, chắc chắn có quả Sĩ dụng nối thông cả ba đời.

Thế nào là nhân câu hữu? Cho đến nói rộng ra...

Hỏi: Hai nhân Tương ứng và Câu hữu khác nhau thế nào?

Đáp: Có người nói không có gì khác nhau, bởi vì trong nên sát-na Thọ làm hai nhân cho các pháp như Tưởng... Vì vậy ở đây cần phải nói như vậy: Nếu nhân tương ứng thì chính là nhân câu hữu, có nhân câu hữu mà không phải là nhân tương ứng, nghĩa là không tương ứng với nhân câu hữu. Nói như vậy thì hai nhân có khác nhau, bởi vì tuỳ dựa vào nên pháp mà nghĩa khác nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì hai nhân có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, nghĩa là tên gọi nhân tương ứng-tên gọi nhân câu hữu. Lại nữa, nghĩa làm bạn bè là nhân tương ứng, nghĩa cùng chung nên quả là nhân câu hữu. Lại nữa, nghĩa cùng chung nên sở y-nên sở duyên-nên hành tướng là nhân tương ứng, nghĩa cùng chung nên sinh-nên lão-nên trú-nên diệt-nên quả-nên dị thực-nên đấng lưu là nhân câu hữu. Lại nữa, như nghĩa cầm gậy là nhân tương ứng, như nghĩa cầm gậy rồi có những tác dụng là nhân câu hữu. Lại nữa, như nghĩa nắm tay nhau là nhân tương ứng, như nghĩa nắm tay nhau rồi vượt qua dòng sông chảy xiết là nhân câu hữu. Lại nữa, nghĩa tùy thuận với nhau là nhân tương ứng, nghĩa không lia xa nhau là nhân câu hữu.

Hỏi: Thế nào là nhân câu hữu?

Đáp: Tâm làm nhân câu hữu cho tâm sở pháp, tâm sở pháp làm nhân câu hữu cho tâm.

Hỏi: Vì sao trong nhân tương ứng trước đây không nói đến tâm, nay trong nhân câu hữu thì nói đến tâm vậy?

Đáp: Nghĩa bình đẳng là nghĩa của nhân tương ứng, tâm vương là hơn hẳn so với tâm sở pháp, nghĩa như nhau không biểu hiện cho nên không nói đến tâm; nghĩa làm nên việc là nghĩa của nhân câu hữu, nghĩa về tâm và tâm sở pháp làm sự việc như nhau, cho nên nay nói về tâm. Trong này nói đến tâm chính là tất cả các tâm, tâm sở pháp cũng là tất cả các tâm sở pháp, như những gì thích hợp với nó lần lượt chuyển tiếp làm nhân câu hữu, tâm làm nhân câu hữu cho thân nghiệp - ngữ nghiệp của tùy tâm chuyển. Thân nghiệp - ngữ nghiệp của tùy tâm chuyển, gọi là luật nghi tinh lự và luật nghi vô lậu.

Hỏi: Vì sao trong này không nói đến thân nghiệp và ngữ nghiệp của tùy tâm chuyển làm nhân câu hữu cho tâm?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra. Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết rằng nghĩa này có khác. Trước đây nói về nghĩa của nhân đã nói trong này cũng không thể hết được. Có người nói: Trong này phần đầu và phần sau nói rộng ra, phần giữa thì nói tóm lược, nghĩa chắc chắn có thể biết cho nên không nói đến. Có Sư khác nói: Tâm đối với thân nghiệp và ngữ nghiệp của tùy tâm chuyển có thể làm nhân, không chuyển theo quan hệ của nó bởi vì là hơn hẳn; thân nghiệp và ngữ nghiệp của tùy tâm chuyển đối với tâm chuyển theo quan hệ của nó, không có thể làm nhân bởi vì là yếu kém. Như vua đối với bề tôi có thể ban cho chức tước và bổng lộc mà không chuyển theo quan hệ của bề tôi, bề tôi đối với nhà vua chuyển theo quan hệ của nhà vua chứ không có thể ban cho chức tước và bổng lộc; ở đây cũng như vậy.

Lời bình: Tâm lần lượt chuyển tiếp làm nhân câu hữu cho thân nghiệp và ngữ nghiệp của tùy tâm chuyển. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì cùng chung nên quả, thành tựu nội sự việc.

Hỏi: Nếu như vậy tại sao trong này không nói đến?

Đáp: Bởi vì trước đã nói ba nhân.

Tâm làm nhân câu hữu cho tùy tâm chuyển và bất tương ứng hành, tùy tâm chuyển và bất tương ứng hành làm nhân câu hữu cho tâm.

Hỏi: Những tùy tâm chuyển và bất tương ứng hành nào lần lượt chuyển tiếp làm nhân cho tâm?

Đáp: Tâm-tâm sở pháp và tùy tâm chuyển thân-ngữ nghiệp, sinh-

lão-trú-vô thường lần lượt chuyển tiếp làm nhân cho tâm. Trong này có người nói: Tâm làm nhân câu hữu cho tự sinh-lão-trú-vô thường, chỉ có tự sinh-trú làm nhân câu hữu cho tâm chứ không phải là lão-vô thường, bởi vì có năng lực tăng thêm cho nên gọi là nhân, lão và vô thường là pháp suy diệt cho nên không gọi là nhân. Có người nói: Tâm làm nhân câu hữu cho tự sinh-lão-trú-vô thường, tự sinh-lão-trú-vô thường làm nhân câu hữu cho tâm, bởi vì cùng giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nên công việc. Có người nói: Tâm làm nhân câu hữu cho tâm-tâm sở pháp và tùy tâm chuyển thân-ngữ nghiệp, sinh-lão-trú-vô thường; chỉ có tâm sinh-lão-trú-vô thường làm nhân câu hữu cho tâm, chứ không phải là những sinh... còn lại.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói như vậy: Tâm lần lượt chuyển tiếp làm nhân câu hữu cho tâm-tâm sở pháp và tùy tâm chuyển thân-ngữ nghiệp, sinh-lão-trú-vô thường. Làm sao biết như vậy? Trong luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là pháp làm nhân câu hữu của tâm? Nghĩa là tất cả tâm sở pháp-đạo câu hữu giới - định câu hữu giới, và các pháp sinh-lão-trú-vô thường của tâm ấy.”

Hỏi: Nếu như vậy trong Phẩm Loại Túc nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: “Hoặc có Khổ đế lấy Hữu thân kiến làm nhân, chứ không làm nhân cho Hữu thân kiến, nghĩa là trừ ra tùy miên quá khứ-hiện tại do kiến Khổ mà đoạn, và Khổ đế tương ứng với nó; trừ ra tùy miên biến hành của quá khứ-hiện tại o kiến Tập mà đoạn, và Khổ đế tương ứng với nó; trừ ra Khổ đế tương ứng với Hữu thân kiến vị lai, trừ ra Hữu thân kiến-sinh-lão-trú-vô thường của vị lai, còn lại các Khổ đế nhiễm ô.”

Đáp: Luận Phẩm Loại Túc phải nói như vậy: Trừ ra tùy miên của quá khứ và hiện tại do kiến Khổ mà đoạn, và những Khổ đế tương ứng-câu hữu kia; trừ ra tùy miên biến hành của quá khứ và hiện tại do kiến Tập mà đoạn, và Khổ đế tương ứng-câu hữu kia; trừ ra Khổ đế tương ứng với Hữu thân kiến vị lai; trừ ra Hữu thân kiến vị lai và pháp tương ứng với nó là sinh-lão-trú-vô thường, còn lại các Khổ đế nhiễm ô. Cần phải nói như vậy mà không nói, thì nên biết đó là cách nói khác.

Lại nữa, bốn Đại chủng cùng sinh lần lượt chuyển tiếp làm nhân câu hữu, đó gọi là nhân câu hữu. Trong này có người làm cho Thể của bốn Đại chủng thì tăng thêm bên không có, họ đưa ra cách nói này: Đại chủng Địa làm nhân câu hữu cho ba Đại chủng, ba Đại chủng làm nhân câu hữu cho Đại chủng Địa, cho đến Đại chủng Phong cũng như vậy. Có người muốn làm cho Thể của bốn Đại chủng chỉ tăng thêm bên có, họ đưa ra cách nói này: Đại chủng Địa làm nhân câu hữu cho bốn Đại

chúng, bốn Đại chúng làm nhân câu hữu cho Đại chúng Địa. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì Đại chúng Địa có nhiều Thể, ở trong nên làm nhân câu hữu cho nhiều, nhiều làm nhân câu hữu cho nên, cho đến Đại chúng Phong cũng như vậy.

Lời bình: Cần phải đưa ra cách nói như vậy: Thể của bốn Đại chúng hoặc chỉ tăng thêm bên có, hoặc chỉ tăng thêm bên không có, Địa làm nhân câu hữu cho ba, ba làm nhân câu hữu cho Địa. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì Địa không nhận thức được sắc do Địa phát sinh mà tạo ra, tất cả các pháp không nhận thức được tự tánh và Thể đồng loại làm nhân khác, cho đến Đại chúng Phong cũng như vậy.

Hỏi: Bốn Đại chúng chưa sinh cũng là nhân câu hữu hay không?

Đáp: Cũng là nhân câu hữu vì rơi vào nghĩa của nhân, vì có tướng của nhân. Có người nói: Đó không phải là nhân câu hữu, trong này chỉ nói về câu sinh, bởi vì bốn Đại chúng lần lượt chuyển tiếp làm nhân câu hữu.

Lời bình: Cần phải đưa ra cách nói như vậy: Bốn Đại chúng sinh hay chưa sinh đều lần lượt chuyển tiếp làm nhân câu hữu, trong này nói sinh là nói đến nghĩa có thể sinh, hoặc là sinh cùng hòa hợp, như luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là pháp do nhân mà sinh? Nghĩa là tất cả các pháp hữu vi.” Như luận ấy nói về sinh là nói đến sinh và chưa sinh, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Sắc đã tạo là nhân câu hữu hay không?

Đáp: Có, bởi vì tất cả các pháp hữu vi đều có các tướng như sinh... làm nhân câu hữu.

Hỏi: Sắc đã tạo làm nhân câu hữu cho sắc đã tạo hay không?

Đáp: Có làm nhân câu hữu, như tùy tâm chuyển sắc đã tạo.

Hỏi: Hữu đối tạo sắc hay không?

Đáp: Không. Có người nói: Cũng có như nhân căn..., có nhiều cực vi cùng sinh lần lượt chuyển tiếp làm nhân câu hữu.

Lời bình: Họ không nên đưa ra cách nói như vậy, như cách nói trước là hợp lý. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nghĩa cùng chung nên quả là ghĩa của nhân câu hữu, mà hữu đối tạo sắc không cùng chung nên quả, nhưng tất cả các tâm đều có tùy chuyển. Các tâm sở pháp và các tướng như sinh..., không phải là tất cả các tâm đều có tùy chuyển sắc của thân - ngữ nghiệp. Nghĩa của tùy tâm chuyển tổng quát có mười loại, đó là nên khởi - nên trú - nên diệt - nên quả - nên đẳng lưu - nên dị thực, thiện thì thiện - bất thiện thì bất thiện, vô ký thì vô ký - tùy theo trong nên đời. Nên quả thì gọi là quả ly hệ. Nên đẳng lưu thì gọi là quả đẳng lưu.

Nên dị thực thì gọi là quả dị thực. Tùy theo pháp mà nói tách biệt thì mười loại này nhiều ít, trong chương Căn Uẩn sẽ nói.

Hỏi: Tự tánh của tùy chuyển là gì?

Đáp: Bốn uẩn và năm uẩn, cõi Dục và cõi Vô sắc là bốn uẩn bởi vì không có tùy chuyển sắc, cõi Sắc là năm uẩn bởi vì có tùy chuyển sắc. Đã nói về tự tánh cho nên nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là tùy chuyển?

Đáp: Nghĩa tùy thuận với nhau là nghĩa của tùy chuyển, nghĩa thâm nhiếp thêm nhau là nghĩa của tùy chuyển, nghĩa cùng làm nên việc là nghĩa của tùy chuyển. Nghĩa tùy tâm chuyển pháp nói với tâm rằng: Ông đã làm công việc của ông, tôi cũng làm công việc của tôi. Tâm và tâm sở pháp lần lượt chuyển tiếp hưởng về nhau, do năm quan hệ cho nên nói là tùy chuyển, đó là sở y-là sở duyên, là hành tướng-là quả-là dị thực. Tâm và tùy tâm chuyển sắc - tâm bất tương ứng hành lần lượt chuyển tiếp hưởng về nhau, do hai quan hệ cho nên nói là tùy chuyển, đó là quả dị thực.

